

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hai và ông Nguyễn Văn Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/HNGĐ-ST ngày 11/10/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thủy T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

2. **Bị đơn:** Anh Hồ Minh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, chị T có mặt; anh T vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Đặng Thị Thủy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đ. Sau khi cưới,

vợ chồng về sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh T. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; đến khoảng năm 2020, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T ăn chơi, sử dụng ma túy, có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý; không quan tâm, chăm sóc vợ con; ngoài ra, anh T còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù, cha mẹ và chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Cho nên từ tháng 9/2022, chị T đã đưa con cùng về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Hiện tại, chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T chung sống với nhau có 01 người con tên Hồ Minh T, sinh ngày 22/10/2018; hiện con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Hồ Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải. Đồng thời, anh T không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Đặng Thị Thủy T và anh Hồ Minh T ly hôn. Chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Minh T, sinh ngày 22/10/2018; hiện con đang sống chung với chị T. Về án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kiểm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn bị đơn và giành quyền nuôi con chung. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”;

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn - anh Hồ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thủy T về việc yêu cầu ly hôn anh Hồ Minh T và giành quyền nuôi con chung, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1]. Chị Đặng Thị Thủy T và anh Hồ Minh T quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2]. Thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ăn chơi, sử dụng ma túy, có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý; không quan tâm, chăm sóc vợ con khiến vợ chồng bất hòa, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.

[2.1.3]. Về phía anh T: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để hòa giải. Điều này chứng tỏ, về ý chí, anh T không muốn gặp mặt để hòa giải, đoàn tụ với chị T. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Thế nhưng, từ tháng 9/2022 cho đến nay, chị T và anh T đã sống ly thân; cả hai không còn quan tâm gì đến nhau.

[2.1.4]. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T đã không còn hạnh phúc: vợ chồng không có tiếng nói chung, đã sống ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Thực tế, chị T không còn tình cảm vợ chồng và cũng không cần có thêm thời gian để hàn gắn với anh T. Đồng thời, anh T cũng không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ với chị T. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[2.1.5]. Từ những nhận định trên, việc chị T yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định đã viện dẫn nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T chung sống có 01 người con tên Hồ Minh T, sinh ngày 22/10/2018; hiện con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.2]. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”.

Nhận thấy hiện nay, cháu T còn quá nhỏ, đang được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất. Chị T có công việc và thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, khi ly hôn, chị T giành quyền nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2.3]. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh T có đủ căn cứ cho rằng chị T không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.4]. Trong vụ án này, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Đặng Thị Thủy T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thủy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thủy T và anh Hồ Minh T ly hôn.
- Về nuôi con chung sau khi ly hôn:

+ Chị Đặng Thị Thủy T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Minh T, sinh ngày 22/10/2018; hiện con đang sống chung với chị T. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Anh Hồ Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con; không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đặng Thị Thủy T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị T đã nộp theo biên lai số 0001058 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. S;
- TAND tỉnh Đ;
- Chi cục THA dân sự Tp. S;
- UBND xã T, Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hoàng Anh